

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹a h c : L p h c : 35KT1 NẤm h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 122164301901 - K to n qu n tr chi ph H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấI M THI	QUY TS 50%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3542010120	35KT1	Tr ng T n An	07/1989	8.0					10.0					9.3	4.7	6.0	3.0	7.7	
2	3542010491	35KT1	Phan Vấ	Công	25/05/1991										0.0	0.0	0	0.0		
3	3542010253	35KT1	L ng B u	Chi	18/12/1991	5.0				7.0					6.3	3.2	8.0	4.0	7.2	
4	3542010571	35KT1	ấ inh Th Ph ng	Dung	26/11/1992	5.0				9.0					7.7	3.9	8.0	4.0	7.8	
5	3440000017	35KT1	Phan Th Tr ^{3/4} c	ấ @	01/01/1993	6.0				10.0					8.7	4.4	9.0	4.5	8.8	
6	3542010182	35KT1	Tr n Th Thu	Hà	14/08/1988	8.0				7.0					7.3	3.7	9.0	4.5	8.2	
7	3542010224	35KT1	T Gia	Hân	05/03/1992										0.0	0.0	0	0.0		
8	3542010075	35KT1	Nguy n Th Thu	Hi n	17/12/1993	4.0				9.0					7.3	3.7	5.0	2.5	6.2	
9	3542010188	35KT1	Nguy n Th Ki u	Hoa	02/03/1993	10.0				10.0					10.0	5.0	10.0	5.0	10.0	
10	3542010487	35KT1	Nguy n Th	Hoài	03/03/1993	10.0				10.0					10.0	5.0	9.0	4.5	9.5	
11	3542010280	35KT1	Tr ng B	H c	00/ /1992	6.0				7.0					6.7	3.4	6.0	3.0	6.3	
12	3542010685	35KT1	Cao Th Kim	H ng	28/02/1983	7.0				10.0					9.0	4.5	10.0	5.0	9.5	
13	3542010130	35KT1	L ^a m Th Ng c	Huy n	26/09/1993	8.0				10.0					9.3	4.7	10.0	5.0	9.7	
14	3542010031	35KT1	Nguy n Th Di u	Huy n	06/08/1992	8.0				10.0					9.3	4.7	9.0	4.5	9.2	
15	3542010549	35KT1	Nguy n Th Thu	H ng	20/08/1993	8.0				10.0					9.3	4.7	10.0	5.0	9.7	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35KT1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122164301901 - K to n qu n tr chi ph H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñ I M THI	QUY TS 50%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
16	3542010079	35KT1	Nguy n Th Thanh H ng	29/06/1993	9.0					10.0					9.7	4.9	10.0	5.0	9.8	
17	3342010034	35KT1	L ² VIO Ki t	25/11/1990											0.0	0.0	0	0.0		
18	3542010581	35KT1	ñ @ Ph ng Lan	28/10/1993	5.0					9.0					7.7	3.9	7.0	3.5	7.3	
19	3542010069	35KT1	Nguy n Th Lan h	06/11/1993	7.0					10.0					9.0	4.5	3.0	1.5	6.0	
20	3542010539	35KT1	Tr n Th M Li n	06/08/1992	4.0					5.0					4.7	2.4	3.0	1.5	3.8	
21	3542010567	35KT1	Ch u C m L n	12/06/1990	9.0					10.0					9.7	4.9	6.0	3.0	7.8	
22	3371010248	35KT1	V ¹ / ₂ H u L c	25/06/1991	5.0					8.0					7.0	3.5	7.0	3.5	7.0	
23	3542010067	35KT1	Nguy n Th M L ng	21/07/1993	3.0					7.0					5.7	2.9	3.0	1.5	4.3	
24	3440000041	35KT1	L ² Th M	16/03/1984	7.0					10.0					9.0	4.5	8.0	4.0	8.5	
25	3544010043	35KT1	Nguy n H u M	04/10/1992	7.0					5.0					5.7	2.9	8.0	4.0	6.8	
26	3542010295	35KT1	L ² Th Tuy t Ng n	15/10/1993	7.0					7.0					7.0	3.5	4.0	2.0	5.5	
27	3542010576	35KT1	Nguy n Th Thanh Ng n	23/09/1993											0.0	0.0	0	0.0		
28	3542010189	35KT1	Nguy n Tr ng Nh n	29/06/1993											0.0	0.0	0	0.0		
29	3440000043	35KT1	D ng Minh Nh t	24/10/1995											0.0	0.0	0	0.0		
30	3542010169	35KT1	Nguy n Th Nh	16/08/1992	9.0					7.0					7.7	3.9	10.0	5.0	8.8	
31	3542010107	35KT1	Tr ng Th B ch Nh	06/05/1991	8.0					7.0					7.3	3.7	8.0	4.0	7.7	
32	3542010193	35KT1	Nguy n Thanh Nh t	24/03/1993	7.0					4.0					5.0	2.5	7.0	3.5	6.0	
33	3542010094	35KT1	Tr n Th Ph ng	12/08/1993	8.0					7.0					7.3	3.7	9.0	4.5	8.2	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35KT1 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 122164301901 - K to n qu n tr chi ph H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấI M THI	QUY TS 50%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
34	3542010145	35KT1	Nguy n Th R	24/04/1993	7.0					9.0					8.3	4.2	7.0	3.5	7.7	
35	3542010518	35KT1	Nguy n Thi ² n Tài	25/07/1992	9.0					7.0					7.7	3.9	8.0	4.0	7.8	
36	3542010116	35KT1	Hà Thanh Tâm	14/11/1991	8.0					5.0					6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	
37	3542010065	35KT1	Phan Thanh Tu n	16/02/1993	5.0					9.0					7.7	3.9	3.0	1.5	5.3	
38	3440000074	35KT1	Nguy n Th Thanh Tuy n	14/07/1988	10.0					10.0					10.0	5.0	6.0	3.0	8.0	
39	3542010171	35KT1	Nguy n Th Y n Thi	07/06/1993	9.0					9.0					9.0	4.5	6.0	3.0	7.5	
40	3542010175	35KT1	Ngô Minh Tho i	30/05/1993	5.0					4.0					4.3	2.2	5.0	2.5	4.7	
41	3542010403	35KT1	Nguy n Th Th m	22/02/1985	9.0					10.0					9.7	4.9	9.0	4.5	9.3	
42	3542010030	35KT1	Cao Th B'ch Th y	01/10/1992	6.0					6.0					6.0	3.0	7.0	3.5	6.5	
43	3542010138	35KT1	Nguy n Ng c M Trang	20/12/1993	9.0					7.0					7.7	3.9	8.0	4.0	7.8	
44	3542010600	35KT1	Tr nh Thu Trang	28/09/1992	8.0					5.0					6.0	3.0	7.0	3.5	6.5	
45	3542010034	35KT1	L ² Th H ng Trà	17/01/1993	5.0					6.0					5.7	2.9	3.0	1.5	4.3	
46	3542010111	35KT1	Nguy n Xu ^a n Tri u	26/08/1993	5.0					4.0					4.3	2.2	3.0	1.5	3.7	
47	3542010525	35KT1	Tr ng Th Minh Trinh	01/01/1993	9.0					6.0					7.0	3.5	9.0	4.5	8.0	
48	3542010141	35KT1	Nguy n Th H ng Vân	11/12/1993	8.0					6.0					6.7	3.4	6.0	3.0	6.3	
49	3542010354	35KT1	Nguy n Th Vinh	16/04/1988	9.0					7.0					7.7	3.9	10.0	5.0	8.8	
50	3542010277	35KT1	ấ ng Ng c Xuyên	01/04/1993	8.0					7.0					7.3	3.7	4.0	2.0	5.7	

T ng s : 50 h c sinh sinh vi²n

Tr ng Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Tp.HCM, ngày / /

Gi" o V Khoa